

Số: /QĐ-UBND

Hoàng Kim, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim; tuyến đường từ QL1A đi thôn 1 và tuyến đường nhánh sau chợ Già)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG KIM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 11/2021/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và đo bóc khối lượng;

Căn cứ Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 04/5/2024 của HĐND xã Hoàng Kim Khóa XXI, kỳ họp thứ 9 về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim; Tuyến đường từ QL1A đi thôn 1 và tuyến đường nhánh sau chợ Già);

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND xã Hoàng Kim: Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 về việc phê duyệt

Điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim; Tuyến đường từ QL1A đi thôn 1 và tuyến đường nhánh sau chợ Già);

Thực hiện Công văn số 1316/UBND-TCKH ngày 24/4/2024 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc đầu tư dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Thông báo số 285/TB-TĐ ngày 04/6/2024 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hoàng Hóa về việc thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh Báo cáo Kinh tế kỹ thuật công trình: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim; tuyến đường QL1A đi thôn 1 và tuyến đường nhánh sau chợ Già);

Xét đề nghị của công chức Địa chính-nông nghiệp-xây dựng và môi trường xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật xây dựng công trình Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim; Tuyến đường từ QL1A đi thôn 1 và Tuyến đường nhánh sau chợ Già) với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Khái quát về công trình:

Công trình Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim; Tuyến đường từ QL1A đi thôn 1 và Tuyến đường nhánh sau chợ Già) được Chủ tịch UBND xã Hoàng Kim phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật xây dựng công trình tại Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 với tổng mức đầu tư 9.899.082.000 đồng. Trong đó:

+ Chi phí bồi thường GPMB:	439.981.000	đồng;
+ Chi phí xây dựng:	8.404.708.000	đồng;
+ Chi phí quản lý dự án:	254.158.000	đồng;
+ Chi phí tư vấn DT xây dựng:	580.511.000	đồng;
+ Chi phí khác:	109.017.000	đồng;
+ Chi phí dự phòng:	110.707.000	đồng.

Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 với tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 9.899.083.000 đồng. Trong đó:

+ Chi phí bồi thường GPMB:	439.981.000	đồng;
+ Chi phí xây dựng:	8.503.253.000	đồng;
+ Chi phí quản lý dự án:	257.137.987	đồng;
+ Chi phí tư vấn DT xây dựng:	589.168.000	đồng;
+ Chi phí khác:	109.517.000	đồng;
+ Chi phí dự phòng:	26.000	đồng.

- Nguồn vốn: Theo Công văn số 04/UBND-TCKH ngày 03/01/2023 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Hiện nay công trình đang được thi công xây dựng.

II. Lý do điều chỉnh:

- Thực hiện Công văn số 1316/UBND-TCKH ngày 24/4/2024 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc đầu tư dự án Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đoạn nối từ UBND xã đi Trường THPT Hoàng Hóa 2 và khu Trung tâm văn hóa thể dục thể thao khu vực phía Bắc huyện Hoàng Hóa hiện nay đã hư hỏng xuống cấp nghiêm trọng; mặt khác sau khi huyện đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư mới thôn 2 Nghĩa Trang, xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa (Mặt bằng số 01/MBQH-UBND ngày 12/3/2020 và Mặt bằng số 02/MBQH-UBND ngày 12/3/2020 của UBND huyện Hoàng Hóa) phần vỉa hè đã chiếm dụng đường cũ, gây cản trở, khó khăn cho việc nhân dân đi lại của nhân dân. Do vậy việc điều chỉnh bổ sung là cần thiết để đảm bảo kết nối giao thông đồng bộ; tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; chỉnh trang xây dựng nông thôn mới nâng cao theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Hoàng Kim nhiệm kỳ 2021-2026 đề ra.

- Kinh phí GPMB đã phê duyệt không đủ để thực hiện.

III. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:

1. Đoạn tuyến 1: Đoạn nối cuối tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim với khu Trung tâm văn hóa thể dục thể thao khu vực phía Bắc huyện Hoàng Hóa:

- Điều chỉnh bổ sung thiết kế đoạn nối cuối tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim với khu Trung tâm văn hoá thể dục thể thao khu vực phía Bắc huyện Hoàng Hóa; chiều dài L=20m (Điểm đầu Km0+00 tại cọc K38 cuối tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim; Điểm cuối Km0+20 tại điểm giáp ranh khu Trung tâm văn hoá thể dục thể thao khu vực phía Bắc huyện Hoàng Hóa). Bề rộng mặt đường Bm=10,5m; im=2%; Bó vỉa đá + vỉa hè lát đá, chiều rộng Bvh=2x4=8m; Chiều rộng nền đường Bn=18,5m; Rãnh thoát nước; Mặt đường thảm bê tông nhựa asphalt C19 dày 6cm căn cứ theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Kim về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim; tuyến đường QL1A đi thôn 1 và tuyến đường nhánh sau chợ già).

- Bổ sung 06 ống cống D300, với chiều dài L=2,5m nằm trên vỉa hè đầu nối thoát nước theo hiện trạng.

- Bổ sung 03 bộ Cửa thu nước bằng composite KT: (40x70)cm.

- Điều chỉnh giảm diện tích lát đá vỉa hè phạm vi đoạn ngã 3 từ UBND xã đi trường THPT Hoàng Hóa 2 (do tuyến đường này được thiết kế nâng cấp, cải tạo theo Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND ngày 04/5/2024 của Hội đồng nhân dân xã Hoàng Kim khóa XXI, kỳ họp thứ 9 về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim; tuyến đường QL1A đi thôn 1 và tuyến đường nhánh sau chợ già). Hạng mục bổ sung:

Đoạn nối từ UBND xã đi trường THPT Hoàng Hoá 2 và khu trung tâm văn hoá thể dục thể thao khu vực phía bắc huyện Hoàng Hoá).

- Bổ sung cây xanh: trồng Cây Kèn Hồng đường kính $D \geq 15-20\text{cm}$, chiều cao $H \geq 3\text{m}$. tổng số cây trồng vỉa hè: 16 cây.

2. Đoạn tuyến 2: Đoạn từ UBND xã Hoàng Kim đi trường THPT Hoàng Hóa 2.

a. Hướng tuyến, bình đồ, cắt dọc, quy mô mặt cắt ngang:

* *Hướng tuyến:* Hướng tuyến bám theo hướng tim tuyến hiện trạng, giảm thiểu ảnh hưởng tới các công trình kiến trúc hiện trạng, giảm chi phí bồi thường GPMB.

* *Bình đồ tuyến:* Thoả mãn các yêu cầu kinh tế trong điều kiện hạn chế tối đa khối lượng giải phóng mặt bằng và khối lượng xây dựng; Thuận lợi cho việc mở rộng quỹ đất để xây dựng cơ sở hạ tầng; Mặt bằng thi công phải thuận tiện, đảm bảo tác động ít nhất đến môi trường và các điều kiện tự nhiên, xã hội khu vực có tuyến đi qua.

- Điểm đầu Km0+00 giao với tuyến đường từ UBND xã Hoàng Kim tại Ngã 3 UBND xã;

- Điểm cuối: Km0+152 đầu nối vào hệ thống giao thông mặt bằng số 01/MBQH-UBND ngày 12/3/2020 và mặt bằng số 02/MBQH-UBND ngày 12/3/2020 của UBND huyện Hoàng Hóa, Trường THPT Hoàng Hóa 2.

- Chiều dài khảo sát $L=152\text{m}$.

* *Cắt dọc tuyến:* Thiết kế theo nguyên tắc đường bao, bám theo cao độ nền đường cũ, phù hợp cao độ nhà dân hai bên tuyến, giảm thiểu khối lượng bù vênh. Đảm bảo sự êm thuận, thiết kế tăng chiều dài dốc dọc và bán kính đường cong đứng; Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến; Thuận lợi cho việc bố trí thoát nước; Thoả mãn trắc dọc mực nước và các điều kiện thủy văn; Thoả mãn các điều kiện kết cấu công trình; Khối lượng công trình thấp nhất.

+ *Quy mô mặt cắt ngang thiết kế:*

* Mặt cắt ngang 1-1 từ Km0+00 – Km0+109,72:

+ Chiều rộng nền đường $B_n=9,5 - 10,0\text{m}$.

+ Chiều rộng mặt đường $B_m= 7,5\text{m}$.

+ Chiều rộng lề phải $B_{lp}=1,0\text{m}$.

+ Rãnh chịu lực dọc chịu lực trái tuyến $B_{rnh}=1,16\text{m}$; Từ Km0+10,75:-Km0+109,7;

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i_{mặt} = 2,0\%$.

+ Độ dốc ngang lề đường: $i_{lề} = 4,0\%$.

* Mặt cắt ngang 2-2 tuyến đường từ Km0+109,72 – Km0+152:

+ Chiều rộng nền đường $B_n=12,5\text{m}$

+ Chiều rộng mặt đường $B_m= 7,5\text{m}$.

+ Chiều rộng lề phải đường $B_{lp}=1 \times 1=1,0\text{m}$.

+ Chiều rộng vỉa hè $B_{vh}=4,0\text{m}$; $i_{vh}=2\%$

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i_{mặt} = 2,0\%$.

+ Độ dốc ngang lề đường: $i_{lề} = 4,0\%$.

b. Thiết kế nền đường: Thiết kế nền đường tuân thủ theo các cao độ khống chế của các đường đồng mức thiết kế, đảm bảo tiêu thoát nước và không ảnh hưởng

tới khu vực hiện trạng đang ổn định, đảm bảo đầu nối với các dự án tiếp theo.

- Phần nền đường mở rộng: Đắp nền đường bằng đất đồi, đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; độ dốc mái ta luy 1/1,50; Trước khi đắp nền phải bóc bỏ lớp đất hữu cơ hoặc lớp bùn chiều dày 30cm với phần nền đường.

c. Giải pháp kết cấu:

* *Kết cấu loại 1 (Phạm vi mở rộng mặt đường) như sau:*

- + Lớp mặt bê tông nhựa chặt C19, dày 6cm;
- + Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa $0,5\text{kg/m}^2$;
- + Láng nhựa 01 lớp TCN $1,8\text{kg/m}^2$ dày 1,5cm;
- + Lớp móng trên ĐDTC (4x6)cm chèn đá dăm, dày 14cm;
- + Lớp móng dưới ĐDTC (4x6)cm chèn đá dăm, dày 18cm;
- + Lớp đất nền K98 dày 50cm.

* *Kết cấu loại 2 (Phạm vi trên mặt đường cũ) như sau:*

- + Lớp mặt bê tông nhựa chặt C19, dày 6cm;
- + Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa $0,5\text{kg/m}^2$;
- + Láng nhựa 01 lớp TCN $1,8\text{kg/m}^2$ dày 1,5cm;
- + Lớp móng trên ĐDTC (4x6)cm chèn đá dăm, dày 14cm;
- + Bù vênh bằng ĐDTC (4x6)cm chèn đá dăm, dày tb 8cm;

* *Kết cấu vượt nối đường giao dân sinh có cấu tạo theo thứ tự từ trên xuống như sau:*

- + Lớp mặt bê tông nhựa chặt C19, dày 6cm.
- + Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa $0,5\text{kg/m}^2$;
- + Láng nhựa 01 lớp TCN $1,8\text{kg/m}^2$ dày 1,5cm;
- + Lớp móng trên ĐDTC (4x6)cm chèn đá dăm, dày 14cm;
- + Kết cấu đường cũ

* *Kết cấu đường vượt nối êm thuận với đường cũ (hiện trạng mặt bê tông nhựa)*

- + Lớp mặt bê tông nhựa chặt C19, dày 6cm.
- + Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa $0,5\text{kg/m}^2$;
- + Láng nhựa 01 lớp TCN $1,8\text{kg/m}^2$ dày 1,5cm;
- + Lớp móng trên ĐDTC (4x6)cm chèn đá dăm, dày tb 8cm;
- + Kết cấu đường cũ.

* Lưu ý: Đối với kết cấu bù vênh trên đường cũ trước khi rải đá cần đảm bảo vệ sinh mặt đường và tạo nhám mặt đường.

d) Thiết kế hệ thống thoát nước:

- *Rãnh thường thoát nước mưa $B=50\text{cm}$, $B \times H=(50 \times 70)\text{cm}$, Rãnh vỉa hè.*

+ Hệ thống rãnh thoát nước $B=(50)\text{cm}$ được bố trí trên vỉa hè ngay sát mép bó vỉa hè đường khoảng cách 25-30m bố trí hố ga thu nước mặt đường.

+ *Kết cấu rãnh:* Đáy rãnh bê tông M200, đá 1x2, dày 10cm đặt trên lớp dăm đệm dày 10cm. Tường xây gạch không nung VXM M75; trát thành trong VXM M75 dày 1,5cm; mũ mố BTCT M200; tấm đan BTCT M250 dày 10cm;

- *Rãnh chịu lực BT đổ tại chỗ $B=50\text{cm}$;*

Tại các vị trí rãnh đi dưới lòng đường và dọc tuyến từ Km0+10,75 – Km0+109,75: Thiết kế rãnh chữ nhật kín bằng bê tông M200; mũ mó BTCT M200; tấm đan BTCT M250 dày 15cm.

- *Hố thu nước mặt đường:*

Kết cấu hố ga: Đáy hố ga bê tông M200, đá 1x2, dày 10cm đặt trên lớp dăm đệm dày 10cm. Tường xây gạch không nung VXM M75; mũ mó BTCT M200; tấm đan BTCT M250 dày 10cm.

- *Cửa thu nước:* Cửa thu nước loại 1 (thu nước ngang) có tổng số lượng 27 cửa, sử dụng lưới chắn rác Composite có kích thước 30x100cm.

- *Bó vỉa, vỉa hè, cây xanh:*

+ *Lát vỉa hè:* Vỉa hè lát đá tự nhiên Thanh Hóa đục nhám mặt kích thước viên đá 30x30x4cm, vữa đệm dày 2cm VXM M75, phía dưới là lớp bê tông M150 đá 1x2, dày 8cm.

+ *Bó vỉa hè:* Cấu tạo bằng đá tự nhiên Thanh Hóa. Trên đường thẳng sử dụng bó vỉa vát cạnh kích thước 15x26x100cm. Trên đường cong sử dụng bó vỉa kích thước 15x26x40cm. Bó vỉa đặt trên lớp đệm vữa xi măng M75 dày 2cm, dưới là lớp bê tông lót đáy M150 đá 1x2 dày 10cm.

+ *Cây xanh:* Cây Kèn hồng đường kính $D \geq 15-20\text{cm}$, chiều cao $H \geq 3\text{m}$. tổng số cây trồng vỉa hè: 03 cây.

3. Đảm bảo kinh phí để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

(Chi tiết có Hồ sơ Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật kèm theo)

IV. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 12.073.202.000 đồng

(Bằng chữ: Mười hai tỷ không trăm bảy mươi ba triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng).

Trong đó:

+ Chi phí bồi thường GPMB:	939.981.000 đồng;
+ Chi phí xây dựng:	9.946.890.000 đồng;
+ Chi phí quản lý dự án:	300.794.000 đồng;
+ Chi phí tư vấn ĐT xây dựng:	690.375.000 đồng;
+ Chi phí khác:	195.136.000 đồng;
+ Chi phí dự phòng:	26.000 đồng.

- **Nguồn vốn:** Thực hiện theo công văn số 1316/UBND-TCKH ngày 24/4/2024 của UBND huyện Hoằng Hoá về việc đầu tư dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

V. Các nội dung khác: Thực hiện theo các Quyết định của Chủ tịch UBND xã Hoằng Kim: Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 177/QĐ-UBND, ngày 27/12/2023 về việc phê duyệt Điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoằng Kim; Tuyến đường từ QL1A đi thôn 1 và tuyến đường nhánh sau chợ Giã).

Điều 2. Giao đại diện Chủ đầu tư, các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo đúng Luật Xây dựng và các quy định

hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng; Thông báo số 285/TB-TĐ ngày 04/6/2024 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hoàng Hoá về việc thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá (tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim; tuyến đường QL1A đi thôn 1 và tuyến đường nhánh sau chợ Già).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Công chức Văn phòng-thống kê, Địa chính-nông nghiệp-xây dựng và môi trường, Tài chính kế toán, Các đơn vị tham gia dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (T/h);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Quang Thành

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SAU ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG
Công trình: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hoàng Kim,
huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tuyến đường từ QL1A đi UBND xã Hoàng Kim;
tuyến đường từ QL1A đi thôn 1 và tuyến đường nhánh sau chợ Già)

(Căn cứ theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	GIÁ TRỊ ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ ĐIỀU CHỈNH	GIÁ TRỊ SAU ĐIỀU CHỈNH	KÝ HIỆU
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			439.981.000	500.000.000	939.981.000	Ggpmb
1	Chi phí xây dựng			8.503.252.530	1.443.637.000	9.946.890.000	Gxd
1.1	Đoạn nối cuối Tuyến QL1A đi UBND xã Hoàng Kim với khu trung tâm văn hoá thể dục thể thao khu vực phía Bắc. huyện Hoàng Hoá				273.157.000		
-	<i>Phát sinh trong đơn giá hợp đồng</i>				226.529.351		
-	<i>Phát sinh ngoài đơn giá hợp đồng</i>				46.628.000		
1.2	Đoạn từ UBND xã Hoàng Kim đi trường THPT Hoàng Hoá 2				1.170.480.000		
-	<i>Phát sinh trong đơn giá hợp đồng</i>				1.156.435.833		
-	<i>Phát sinh ngoài đơn giá hợp đồng</i>				14.044.000		
3	Chi phí quản lý dự án	3,024%		257.137.987	43.656.000	300.794.000	Gqlda
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			589.168.000	101.207.000	690.375.000	Gtv
4.1	Chi phí khảo sát địa hình			48.241.000	16.220.000	64.461.000	
4.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	2,684%		231.082.350	38.747.217	269.829.567	
4.3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,346%		29.080.289		29.080.289	
4.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,203%		272.359.165	46.239.693	318.598.858	
4.5	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		4.202.354		4.202.354	
4.6	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		4.202.354		4.202.354	
5	Chi phí khác			109.517.000	85.619.000	195.136.000	Gk
5.1	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư	0,08%		6.723.767		6.723.767	

	329/2016/TT-BTC)						
5.2	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư (Thông tư 176/2011/TT-BTC)	0,019%		1.880.826	500.000	2.380.826	
5.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,394%	0,5	19.981.393	7.577.878	27.559.271	
5.4	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,651%		70.930.882	12.541.235	83.472.117	
5.5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)			10.000.000	5.000.000	15.000.000	
5.6	Chi phí chích đo phục vụ GPMB (tạm tính)				60.000.000	60.000.000	
6	Chi phí dự phòng			26.000		26.000	Gdp
6.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	1,131%		26.004		26.004	
	Tổng cộng			9.899.082.517	2.174.119.000	12.073.201.517	Gxdct
	Làm tròn			9.899.083.000	2.174.119.000	12.073.202.000	
Bảng chữ: Mười hai tỷ không trăm bảy mươi ba triệu hai trăm linh hai nghìn đồng./.							